TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2022/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 22 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2022/TLST-HNGD ngày 01 tháng 4 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị T;
- Bị đơn: Anh Ngô Gia Đ;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2022;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Võ Thị T và anh Ngô Gia Đ**.**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị T và anh Ngô Gia Đ thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung

Chị Võ Thị T và anh Ngô Gia Đ có 01 con chung là cháu Ngô Gia N, sinh ngày 08/01/2015.

Chị Võ Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Ngô Gia N, sinh ngày 08/01/2015 cho đến khi cháu Nghĩa đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động và tự lập được. Anh Ngô Gia Đ không phải cấp dưỡng

nuôi con chung và được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về T sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 144; khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, mỗi đương sự phải chịu ½. Chị Võ Thị T tự nguyện nộp thay phần án phí cho anh Ngô Gia Đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0003473 ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh K. Hoàn trả lại cho chị T số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND thị trấn Đ, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Y Trinh